

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 278/2023/HS-ST

Ngày 28-11-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Anh Thư;

Ông Tống Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 283/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Hà Văn T, sinh năm 1998 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 11, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: Lớp 3/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn M và bà Cầm Thị H; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 08/6/2023 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977; thường trú: Ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở hiện nay: Khu phố P, phường Th, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Bùi Văn L, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 20, ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Bình Phước; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Văn T tạm trú tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương. Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 08/6/2023, T điều khiển xe mô tô biển số 29T8-0587 đi từ xã Đ đến phường A, thành phố A, tỉnh Bình Dương gặp bạn. Khi đi đến khu phố V, phường Th, thành phố T, tỉnh Bình Dương, T nhìn thấy bà Nguyễn Thị N đang điều khiển xe mô tô biển số 84M1-162.22 lưu thông cùng chiều, trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng. Lúc này, T nảy sinh ý định cướp giật sợi dây chuyền của bà N đem bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, T điều khiển xe áp sát vào bên phải xe 84M1-162.22 rồi dùng tay trái giật sợi dây chuyền trên cổ bà N. Bà N truy hô và đuổi theo T. Khi đuổi theo

được khoảng 400m thì phần đầu xe 84M1-162.22 của bà N va chạm vào phần đuôi xe 29T8-0587 làm T ngã xuống đường. Cùng lúc này, lực lượng tuần tra Công an phường Th đang đi tuần tra nghe tiếng truy hô của bà N nên bắt giữ, đưa T về trụ sở để làm việc. Tại Công an phường, T đã khai nhận hành vi của mình. Công an phường lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ 01 xe mô tô biển số 29T8-0587 rồi lập hồ sơ ban đầu và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T thụ lý theo thẩm quyền.

Sau khi T giật được sợi dây chuyền của bà N trên đường bỏ chạy đã làm rơi mất. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành truy tìm nhưng không thấy nên lập biên bản thu giữ không thành.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 53/KLTS – TTHS ngày 15/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T kết luận: 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, bản mắt xích, khúc hình trụ gắn kết với nhau, loại vàng 610, có trọng lượng 4,549 chỉ đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 15.907.853 đồng.

Xe mô tô biển số 29T8-0587 do ông Hoàng Văn Đ đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ông Đ khai đã bán xe này cho ông Bùi Văn L (là bạn của T). Do T không có xe để đi nên mượn xe này làm phương tiện đi lại. T sử dụng xe làm phương tiện cướp giật tài sản ông L không biết. Ngày 19/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 1794 trả lại xe mô tô trên cho ông L.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu Hà Văn T bồi thường số tiền 15.907.853 đồng, T chưa bồi thường. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho bà N số tiền nêu trên.

Bản Cáo trạng số 298/CT-VKSTU ngày 23/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Hà Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

+ Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hà Văn T từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 15.907.853 đồng.

Bị cáo Hà Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm để trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến

hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Bùi Văn L vắng mặt. Quá trình điều tra, lời khai của ông L không mâu thuẫn với lời khai của bị cáo và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo; bị hại đồng ý xét xử vắng mặt ông L. Xét thấy, việc vắng mặt của ông L không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Hà Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như vật chứng thu giữ và lời khai của bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Ngày 08/6/2023 tại khu phố V, phường Th, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Hà Văn T có hành vi điều khiển xe mô tô cướp giật của bà Nguyễn Thị N 01 sợi dây chuyền kim loại vàng, bản mắc xích, khúc hình trụ gắn kết với nhau, loại vàng 610, trọng lượng 4,549 chỉ, giá trị 15.907.853 đồng khi bà N đang điều khiển xe mô tô tham gia giao thông. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo đã thực hiện trong vụ án này là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tinh thần của bị hại cũng như ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội của địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn có tiền để tiêu xài mà không phải lao động nên đã chiếm đoạt tài sản của người khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.907.853 đồng; bị cáo đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội, bị kết án và phải bồi thường trách nhiệm dân sự nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hà Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hà Văn T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/6/2023.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Hà Văn T bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị N số tiền là 15.907.853 đồng (Mười lăm triệu chín trăm lẻ bảy nghìn tám trăm năm mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

2. *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Hà Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 795.393 đồng (Bảy trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Công an thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tâm